

TTĐT

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 491/BC-CP

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2014

BÁO CÁO

Tình hình an toàn thực phẩm hiện nay
và một số giải pháp trong thời gian tới

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: S.....
	Ngày: 12/11.....

Kính gửi: Các vị Đại biểu Quốc hội

Theo yêu cầu của Quốc hội, Chính phủ xin báo cáo tình hình an toàn thực phẩm (ATTP) hiện nay và các giải pháp trong thời gian tới như sau:

I. TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Theo Luật an toàn thực phẩm, quản lý nhà nước về ATTP được phân công cho ba Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Công Thương tại Điều 62, 63, 64 của Luật theo nguyên tắc quản lý theo chuỗi cung cấp thực phẩm với từng nhóm thực phẩm, ngành hàng cụ thể.

Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn thực phẩm và Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-CT ngày 09 tháng 4 năm 2014 giữa Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương đã cụ thể hóa nhiệm vụ quản lý nhà nước về ATTP cho ba bộ với nguyên tắc cơ bản là: Một sản phẩm, một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan quản lý nhà nước với danh mục các sản phẩm, nhóm sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từng bộ và phối hợp trong quá trình triển khai thực hiện. Việc quy định như trên hiện đã khắc phục được tình trạng chồng chéo, bỏ sót trong quản lý, tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong việc thực hiện, tuân thủ các quy định về pháp luật ATTP.

II. TÌNH HÌNH AN TOÀN THỰC PHẨM HIỆN NAY

1. Kết quả triển khai hoạt động kiểm soát an toàn thực phẩm

a) Đối với nông, lâm, thủy sản:

Trong 9 tháng đầu năm 2014, ngành Nông nghiệp đã triển khai các chương trình giám sát ATTP nông sản, thủy sản trên diện rộng đối với các sản phẩm tiêu thụ nhiều, nguy cơ cao cho thấy: Tỷ lệ mẫu rau quả tươi có tồn dư thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) vượt ngưỡng cho phép là 1,67%; thủy sản có tồn dư hoá chất, kháng sinh vượt ngưỡng cho phép là 0,19%. Kết quả này ở mức tương đương với các nước đang phát triển trong khu vực nhưng cao hơn

so với EU, Nhật, Úc... và có xu hướng giảm nhưng chưa ổn định. Riêng tỷ lệ mẫu thịt gia súc, gia cầm nhiễm vi sinh vật còn cao (25,8%) do còn nhiều bất cập ở khâu giết mổ, bày bán mất vệ sinh. Các trường hợp phát hiện vi phạm ATTP đã được lực lượng chức năng kịp thời xử lý theo quy định.

Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản, kết quả kiểm tra, đánh giá, phân loại như sau:

- Tỷ lệ cơ sở trong chuỗi sản xuất kinh doanh thực vật và sản phẩm thực vật các cơ sở được kiểm tra, đánh giá phân loại lần đầu xếp loại A, B là 76,6%, có 29,7% cơ sở xếp loại C được tái kiểm và tỷ lệ tiếp tục xếp loại C là 53,7%.

- Tỷ lệ cơ sở trong chuỗi sản xuất kinh doanh động vật và sản phẩm động vật (trên cạn) được kiểm tra, đánh giá phân loại lần đầu xếp loại A, B là 68,8%, chỉ có 19,4% cơ sở xếp loại C được tái kiểm và tỷ lệ tiếp tục xếp loại C vẫn còn cao là 19%.

- Tỷ lệ cơ sở trong chuỗi sản xuất kinh doanh thủy sản và sản phẩm thủy sản được kiểm tra, đánh giá phân loại lần đầu xếp loại A, B là 74,4%, có 37,4% cơ sở xếp loại C được tái kiểm và tỷ lệ tiếp tục xếp loại C vẫn còn cao là 50%.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp cho chuỗi động vật bao gồm cả thủy sản được kiểm tra, đánh giá phân loại lần đầu và định kỳ xếp loại A, B đạt 76,7%; chỉ có 29,8% cơ sở xếp loại C được tái kiểm và tỷ lệ tiếp tục xếp loại C là 39,7%.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp cho chuỗi thực vật được kiểm tra, đánh giá phân loại lần đầu và định kỳ xếp loại A, B đạt 85,5%; chỉ có 13,1% cơ sở xếp loại C được tái kiểm và tỷ lệ tiếp tục xếp loại C là 11,8%.

Để hỗ trợ sản xuất kinh doanh đảm bảo ATTP và tiếp cận, mở rộng thị trường xuất khẩu nông lâm thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng 29 mô hình chuỗi nông lâm thủy sản an toàn tại 26 tỉnh (13 miền Bắc, 05 miền Trung, 8 miền Nam). Đầu ra mô hình có sự gắn kết trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các tác nhân tham gia chuỗi; các cơ sở trồng/trọt/chăn nuôi/nuôi trồng được chứng nhận áp dụng VietGAP; các cơ sở sơ chế/giết mổ/chế biến được chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo ATTP theo Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo HACCP (GMP, SSOP và kế hoạch HACCP); các cơ sở kinh doanh được chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm; sản phẩm tiêu thụ trên thị trường có gắn tem/nhãn thông tin về sản phẩm áp dụng theo chuỗi (VietGAP, HACCP, đủ điều kiện đảm bảo ATTP) và thông tin về nguồn gốc xuất xứ. Đến nay đã có 15 mô hình về cơ bản được hoàn thiện. Việc triển khai mô hình đã làm thay đổi nhận thức của chính quyền địa phương và các hộ, doanh nghiệp trực tiếp tham gia mô hình. Đội ngũ cán bộ chỉ đạo mô hình

được nâng cao năng lực thực tiễn và kinh nghiệm trong hướng dẫn, giám sát, thanh tra, kiểm tra ATTP. Các mô hình liên kết chuỗi thí điểm là cơ sở để các tỉnh, thành phố ban hành chính sách hỗ trợ phát triển chuỗi thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn bằng nguồn vốn của địa phương mình.

Về kiểm soát hoa quả nhập khẩu vào Việt Nam (táo, lê và các loại hoa quả khác), các nước xuất khẩu hoa quả (táo, lê) vào Việt Nam hiện nay gồm có: Trung Quốc, Mỹ, Niu Di-Lân, Chi Lê, Nam Phi, Xin-ga-po, Canada, Đan Mạch, Thái Lan, Hàn Quốc, Úc, Nhật Bản. Tất cả các lô táo, lê nhập khẩu vào Việt Nam đều được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra ATTP và lấy mẫu phân tích theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Kết quả kiểm tra hàng năm cho thấy tỷ lệ các lô hàng táo, lê vi phạm quy định về ATTP của Việt Nam chỉ ở mức dưới 1%. Trong năm 2014 có 47.275 tấn táo và 17.789 tấn lê nhập khẩu vào Việt Nam. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiến hành lấy 143 mẫu táo và 80 mẫu lê và chưa phát hiện lô hàng táo lê nhập khẩu không đạt yêu cầu về chất lượng và ATTP.

Từ năm 2012 đến tháng 9 năm 2014, ngành Y tế đã triển khai kế hoạch giám sát ATTP tại 32 tỉnh, thành phố, đã lấy 1.853 mẫu rau, quả tươi để kiểm nghiệm chỉ tiêu hoá chất BVTV nhóm Pyrethroid, Chlor hữu cơ, Lân hữu cơ, Cacbamate. Kết quả phát hiện 38/1.853 mẫu không đạt chỉ tiêu (chiếm 2,05%), có mức độ tồn dư vượt ngưỡng từ 0,16 - 2,0% tổng số mẫu với nhóm Pyrethroid, Lân hữu cơ, Chlor hữu cơ và Cacbamate. Tại từng thời điểm có kết quả giám sát phát hiện sản phẩm rau, quả ô nhiễm hóa chất BVTV, Bộ Y tế đã có văn bản đề nghị các cơ quan chức năng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và y tế tại địa phương tiến hành các biện pháp truy suất nguồn gốc, kiểm soát ATTP đối với sản phẩm.

Trong tháng 7-8/2014, Bộ Y tế đã lấy 60 mẫu rau củ, quả (Giá, măng lục và măng chua, khoai tây, cà rốt, khổ qua) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và kiểm nghiệm chỉ tiêu thuốc BVTV nhóm Pyrethroid, Chlor hữu cơ, Lân hữu cơ, 2,4-D, DDT. Kết quả chỉ phát hiện 01 mẫu khổ qua có tồn dư 2,4-D (3,19 mg/kg) vượt giới hạn cho phép. Bộ đã có văn bản đề nghị cơ quan chức năng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và y tế tại địa phương tiến hành truy suất nguồn gốc, kiểm soát ATTP đối với sản phẩm trên địa bàn.

Từ ngày 7-25/9/2014, Bộ Y tế đã tổ chức 02 đoàn công tác phối hợp với các đơn vị chức năng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và tỉnh Lạng Sơn, tỉnh Lào Cai, thành phố Hà Nội tiến hành lấy 71 mẫu rau, quả nhập khẩu tại cửa khẩu Tân Thanh (Lạng Sơn), cửa khẩu Kim Thành (Lào Cai) và chợ đầu mối Long Biên và 04 cơ sở bán lẻ tại thành phố Hà Nội để kiểm nghiệm hóa chất bảo quản (acid benzoic và acid sorbic); 06 nhóm thuốc BVTV (Cacbamate, Chlor hữu cơ, Lân hữu cơ, Pyrethroid, Neonicotinoid, Triazole), kết quả cho thấy không phát hiện mẫu rau, quả nhập khẩu nào có tồn dư acid benzoic và acid sorbic. Chỉ có 01 mẫu táo quả tươi có tồn dư

thuốc BVTV (Carbendazim 0,21 mg/kg) vượt trên giới hạn tối đa cho phép (MRL<0,2 mg/kg); 36/71 mẫu (tỷ lệ 50,7%) có tồn dư thuốc BVTV nhưng ở dưới giới hạn tối đa cho phép với 04/129 hoạt chất là: Carbendazim (nhóm Carbamate - dùng diệt côn trùng và diệt nấm); Imidactoprid, Acetamiprid (nhóm Neonicotinoid - dùng diệt côn trùng) và Tebuconazole (nhóm Triazole - dùng diệt nấm)¹.

b) Đối với nước uống đóng chai:

Bộ Y tế đã ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước uống đóng chai (NUĐC), quy định về điều kiện đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh NUĐC, đồng thời thường xuyên tổ chức các đoàn thanh, kiểm tra việc chấp hành các quy định về ATTP của các cơ sở này.

Trong 9 tháng đầu năm, các đoàn thanh tra, kiểm tra của Trung ương và địa phương đã tiến hành kiểm tra 5.645 cơ sở (chiếm 38,0%), đã phát hiện 1.191 cơ sở vi phạm (21,1%), tiến hành xử lý 472 cơ sở (39,6%), phạt hành chính 314 cơ sở với số tiền 556.038.000 đồng.

Trong quá trình thanh, kiểm tra, các đoàn đã lấy mẫu NUĐC để kiểm nghiệm tại phòng thí nghiệm, kết quả cho thấy, 87/1.062 (8,2%) số mẫu không đạt yêu cầu về chỉ tiêu vi sinh vật, 20/386 (5,2%) số mẫu không đạt yêu cầu về các chỉ tiêu lý, hóa. Căn cứ vào kết quả kiểm nghiệm, cơ quan chức năng đã thông báo cho doanh nghiệp và yêu cầu dùng lưu thông và xử lý theo quy định.

c) Đối với sữa và các sản phẩm chế biến từ sữa:

Theo quy định, các sản phẩm sữa và các sản phẩm có chứa sữa nói riêng trước khi lưu thông phải được cơ quan Y tế có thẩm quyền (Cục An toàn thực phẩm hoặc Chi Cục An toàn thực phẩm theo phân cấp) cấp Giấy công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm hoặc Giấy tiếp nhận hợp quy theo các quy định hiện hành.

Bộ Y tế đã ban hành các quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với các sản phẩm sữa, sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ đến 12 tháng tuổi, sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích y tế đặc biệt cho trẻ đến 12 tháng tuổi, sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi và sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ đến 12 tháng tuổi.

Năm 2014, Bộ Y tế đã phối hợp với các địa phương thành lập các đoàn thanh, kiểm tra tại 990 cơ sở sản xuất, kinh doanh sữa trên địa bàn toàn quốc, phát hiện 230 cơ sở vi phạm, xử lý 25 cơ sở (10,9%), xử phạt hành chính 23 cơ sở với số tiền 89.034.950 đồng.

¹ 100% mẫu rau cải bắp tươi, dưa hấu, dưa vàng, hồng quả ngâm không phát hiện tồn dư thuốc BVTV; phát hiện có tồn dư thuốc BVTV cao nhất ở cà chua quả tươi (5/5 mẫu), táo quả tươi (11/12 mẫu), quả lựu (10/11 mẫu), lê quả (8/11 mẫu).

d) Đối với bếp ăn tập thể, thức ăn đường phố:

Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 30/2012/TT-BYT ngày 05 tháng 12 năm 2012 quy định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố, trong đó quy định cụ thể về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ và người trực tiếp chế biến, phục vụ ăn uống, thiết kế khu chế biến, khu ăn uống, nguồn nước sử dụng...

Đối với bếp ăn tập thể, Bộ Y tế đã tổ chức, triển khai “Tháng hành động vì chất lượng VSATTP” năm 2013 với chủ đề “An toàn thực phẩm bếp ăn tập thể” để thay đổi hành vi bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Trong chiến dịch này đã có 89,3% chủ doanh nghiệp có bếp ăn tập thể đồng người thực hiện ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm. Tổ chức các hội thảo chuyên đề “Phòng chống ngộ độc thực phẩm tại khu công nghiệp và khu chế xuất: Thực trạng và giải pháp” tại tỉnh Bình Dương... Trong 9 tháng đầu năm 2014, các đoàn thanh tra, kiểm tra của Trung ương và địa phương đã tiến hành kiểm tra 119.024 cơ sở BATT (chiếm 72,1% trên tổng số cơ sở có trên địa bàn toàn quốc), đã phát hiện 29.327 cơ sở vi phạm (24,6%), tiến hành xử lý 6.261 cơ sở (17,9%), phạt hành chính 2.393 cơ sở với số tiền 3.380.470.000 đồng².

Đối với thức ăn đường phố (TĂĐP), Bộ Y tế đã triển khai xây dựng mô hình điểm về quản lý an toàn thực phẩm trong kinh doanh TĂĐP tại 10 tỉnh/thành phố, các mô hình này đã đáp ứng yêu cầu theo quy định; tổ chức thông tin, tuyên truyền, tập huấn kiến thức ATTP, khám sức khỏe cho người kinh doanh TĂĐP; thanh tra, kiểm tra... Qua thanh, kiểm tra cho thấy, việc gây ra ô nhiễm TĂĐP đã phát hiện được từ nguyên liệu, phụ gia chế biến thức ăn; nguồn nước đá, nước sử dụng cho ăn uống; dụng cụ sơ chế, chế biến thức ăn, dụng cụ ăn uống; môi trường nơi kinh doanh bị ô nhiễm bởi bụi bẩn, ruồi, côn trùng; do bảo quản và vận chuyển thức ăn và do bàn tay của người chế biến không bảo đảm vệ sinh. Nguy cơ gây ô nhiễm thực phẩm, xảy ra NĐTP do thức ăn đường phố vẫn diễn biến phức tạp, khó kiểm soát một cách bền vững ở tất cả các công đoạn của chuỗi cung cấp TĂĐP.

đ) Đối với phụ gia thực phẩm

Bộ Y tế đã ban hành các Quy chuẩn kỹ thuật đối với các phụ gia thực phẩm (PGTP), chất hỗ trợ chế biến và Thông tư hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn có những cơ sở sử dụng phụ gia thực phẩm không đúng theo quy định như dùng chất tẩy trắng Tinopal trong bún, bánh phở, dùng hàn the trong chế biến giò chả... Trong 9 tháng đầu

² Các vi phạm chủ yếu là về xác nhận kiến thức ATTP (20,8%), vệ sinh phòng ăn, khu chế biến thức ăn, nhà ăn phòng ăn không đạt (8,9%), ATTP đối với trang thiết bị, dụng cụ chứa đựng thực phẩm (8,7%), sử dụng nguyên liệu không rõ nguồn gốc xuất xứ, không có nhãn phụ bằng tiếng Việt trong các bếp, nhà hàng (3,8%). Ngoài ra một số BATT thực hiện lưu mẫu không đúng quy định (3,6%), vi phạm về điều kiện bảo đảm ATTP trong quá trình bảo quản, vi phạm về Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện...

năm 2014 đã tổ chức các đoàn thanh, kiểm tra tại 11.403 cơ sở (chiếm 54,3% trong tổng số các cơ sở), phát hiện 2.823 cơ sở vi phạm (chiếm 24,8%), xử lý 219 cơ sở (7,76%) với số tiền phạt là 220.547.000 đồng³.

e) Đối với thực phẩm chức năng

Từ 2012 đến tháng 9 năm 2014, Bộ Y tế đã cấp giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm (hoặc xác nhận công bố phù hợp quy định về ATTP) cho 16.029 sản phẩm thực phẩm chức năng (TPCN), trong đó có 5.355 sản phẩm nhập khẩu.

Năm 2014, Bộ Y tế đã tiến hành đồng loạt triển khai đợt thanh tra, kiểm tra tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, quảng cáo TPCN trên phạm vi cả nước. Trong 4.514 cơ sở được thanh tra, kiểm tra, có 1.974 cơ sở vi phạm (chiếm 43,7%). Các đoàn đã xử phạt hành chính 140 cơ sở, trong đó cảnh cáo 36 cơ sở, phạt tiền 104 cơ sở với tổng số tiền phạt là 1.056.566.000 đồng. Thu hồi 10 giấy xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP, 01 giấy xác nhận nội dung quảng cáo; đình chỉ hoạt động 16 cơ sở; đình chỉ lưu hành 105 sản phẩm do không đạt chất lượng hoặc không rõ nguồn gốc xuất xứ, nhãn không đúng quy định...; tiêu hủy 60 loại sản phẩm (tại 15 cơ sở); yêu cầu 70 cơ sở phải khắc phục về nhãn sản phẩm; số cơ sở có tài liệu quảng cáo sai phải đình chỉ lưu hành/thu hồi, tiêu hủy là 102 cơ sở với tổng số 150 loại tài liệu khác nhau.

Nội dung vi phạm chủ yếu: Điều kiện vệ sinh cơ sở (3,8% số cơ sở được kiểm tra); trang thiết bị, dụng cụ (5,4%); vi phạm về con người (30,3%); công bố tiêu chuẩn sản phẩm (3,3%); ghi nhãn (9,1%); chất lượng sản phẩm (0,7%); quảng cáo (19,0%); vi phạm khác (thiếu chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP; giấy đăng ký kinh doanh thiếu ngành nghề kinh doanh TPCN theo đúng quy định; chưa phân biệt rõ TPCN và thuốc...) là 28,3%. Ngoài ra, Bộ Y tế thực hiện các đợt cao điểm về kiểm tra xử lý vi phạm về quảng cáo TPCN và đã phát hiện, xử phạt 35 cơ sở vi phạm về ATTP, trong đó có 30 cơ sở vi phạm về quảng cáo với các hành vi như quảng cáo không có giấy xác nhận nội dung quảng cáo, quảng cáo không đúng với nội dung đã đăng ký, quảng cáo gây hiểu lầm như thuốc chữa bệnh; 05 cơ sở vi phạm về các nội dung khác như ghi nhãn không phù hợp với nhãn công bố hoặc sản phẩm không đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn công bố.

³ Các vi phạm chính trong lĩnh vực này là: Vi phạm về điều kiện con người chiếm 22,1%; giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (10%); điều kiện cơ sở, trang thiết bị dụng cụ (6,5%). Hiện tượng sử dụng bao bì chứa đựng PGTP không có Giấy tiếp nhận công bố hợp quy diễn ra khá phổ biến tại các cơ sở sang chiết đóng gói, phối trộn PGTP. Sản phẩm PGTP có nhãn phụ hoặc nhãn chính không đúng với nhãn đã được Cục ATTP (10,2%), cao hơn các hàng hóa khác, trong đó chủ yếu ghi thiếu tên nhóm sản phẩm, không đúng xuất xứ, thành phần, hướng dẫn sử dụng.

g) Kiểm soát an toàn thực phẩm đối với các chợ:

Từ năm 2011 - 2013, Bộ Công Thương đã triển khai xây dựng mô hình chợ ATTP tại 20 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bao gồm: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Hưng Yên, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Đông Nai, Tây Ninh, Bến Tre, An Giang, Tuyên Quang, Ninh Bình, Phú Yên, Bà Rịa - Vũng Tàu, Trà Vinh, Kiên Giang (mỗi tỉnh được hỗ trợ 500 triệu đồng). Năm 2014, Bộ Công Thương tiếp tục hỗ trợ và chỉ đạo 6 tỉnh xây dựng mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm: Hòa Bình, Hà Giang, Bình Định, Cần Thơ, An Giang, Hậu Giang.

Qua quá trình triển khai, nhận thức về ATTP nói chung, trong các chợ nói riêng của đội ngũ cán bộ liên quan đến công tác này và thương nhân kinh doanh trong các chợ được nâng lên; các quầy kinh doanh thực phẩm tươi sống được tập trung thành các khu riêng biệt, ngăn cách hoàn toàn với khu thực phẩm chế biến và khu kinh doanh các mặt hàng khác, nhờ vậy đã ngăn ngừa được tình trạng ô nhiễm chéo giữa các ngành hàng.

Tuy nhiên, tiến độ và kết quả triển khai xây dựng mô hình tại các tỉnh không đồng đều, cùng triển khai tại một thời điểm, có tỉnh đã hoàn thành triển khai mô hình trong thực tiễn (An Giang, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Hà Nội, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế...) nhưng vẫn còn một số tỉnh mới đang trong quá trình xây dựng Đề án (Tuyên Quang, Trà Vinh, TP Hồ Chí Minh). Việc triển khai mô hình mới chỉ tập trung cho ngành hàng thực phẩm tươi sống như rau, củ quả, thủy sản và thịt gia súc, gia cầm, còn một số ngành hàng khác như thực phẩm chế biến chưa triển khai được hoặc triển khai ở phạm vi hẹp.

h) Giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt tại các địa phương

Theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam tại Thông báo số 243/TB-VPCP, ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Văn phòng Chính phủ, việc kiểm tra chất lượng nước sinh hoạt tại các khu đô thị được xác định là một trong các hoạt động của công tác bảo đảm an toàn thực phẩm và giao Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các Sở y tế chủ động lấy mẫu nước các khu đô thị, xét nghiệm và kiến nghị các cơ quan chức năng có thẩm quyền, có giải pháp xử lý nếu nước không đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định. Qua phân tích các mẫu nước của Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, đánh giá các chỉ tiêu theo quy chuẩn chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt của Bộ Y tế, kết quả cho thấy tại các nhà máy nước và trạm cấp nước tập trung có quy mô lớn và tại các khu vực nội thành, chất lượng nước về cơ bản là đạt yêu cầu. Tuy nhiên, tại trạm cấp nước có quy mô nhỏ như trạm cấp nước Mỹ Đình II, Khu đô thị Nam Đô ở thành phố Hà Nội và một số trạm cấp nước khu vực ngoại thành, cơ sở cấp nước quy mô hộ gia đình ở Thành phố Hồ Chí Minh có một số chỉ tiêu chưa đạt quy định như: Clo dư, pH, độ đục, mangan tổng số, sắt tổng số, amoni, nitrit, pecmanganat, asen, *Coliform* tổng số, *E.coli*, *Coliform* chịu nhiệt.

Bộ Y tế đã đề nghị với Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khắc phục tình trạng không đạt tiêu chuẩn của các nhà máy, trạm cấp nước và tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng tại các đơn vị này, đồng thời tăng cường truyền thông phổ biến, hướng dẫn người dân sử dụng, bảo quản, trữ nước tại hộ gia đình đảm bảo hợp vệ sinh, kết hợp với các hoạt động tuyên truyền vệ sinh phòng dịch bệnh.

i) Tình hình ngộ độc thực phẩm năm 2014

Tính đến ngày 15 tháng 10 năm 2014, toàn quốc ghi nhận có 158 vụ ngộ độc thực phẩm (NĐTP) với 4.211 người mắc, 3.340 người đi viện và 33 trường hợp tử vong. So với cùng kỳ năm 2013, số vụ tăng 17 vụ (12,1%), và số tử vong tăng 13 người (65%).

Về địa điểm xảy ra NĐTP, ngộ độc do thức ăn đường phố, tại nhà hàng/khách sạn, trường học có xu hướng giảm so với năm 2013. Tuy nhiên các vụ NĐTP tại bếp ăn tập thể, khu công nghiệp, chế xuất vẫn chưa giảm.

Nguyên nhân gây tử vong trong các vụ NĐTP chủ yếu do độc tố tự nhiên trong thực phẩm như nấm (13 người tử vong), cóc (03 người), cá nóc (03 người), sò biển (03 người), rượu ngâm củ ấu tấu (02 người), ve sần nhiễm nấm (01 người), côn trùng dạng bọ xít đen (01 người), độc tố vi nấm trong bánh trôi ngô mốc (03 người)...

2. Tồn tại, khó khăn:

- Kinh doanh, sử dụng phụ gia thực phẩm, hóa chất bảo vệ thực vật, chất kích thích tăng trưởng còn nhiều vi phạm. Thực phẩm nhập lậu, thực phẩm giả, không rõ xuất xứ nguồn gốc với sự chỉ đạo quyết liệt của Thủ tướng Chính phủ, bước đầu đã có hiệu quả nhưng còn diễn biến phức tạp.

- Điều kiện ATTP tại các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ, làng nghề sản xuất thực phẩm truyền thống, vệ sinh thú y trong giết mổ, vận chuyển gia súc, gia cầm chưa bảo đảm.

- Vẫn còn tình trạng đăng tải một số nội dung quảng cáo không phù hợp với nội dung đã đăng ký hoặc đăng tải những nội dung quảng cáo chưa được đăng ký.

- Việc xử lý các vi phạm còn chưa kiên quyết, đặc biệt tại tuyến xã, phường (chủ yếu là nhắc nhở, chiếm 81,8% số cơ sở vi phạm chưa được xử lý). Chưa xử lý dứt điểm các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản bị tái xếp loại C, chưa công khai các cơ sở xếp loại A, B, C trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tiến độ triển khai mô hình chợ bảo đảm ATTP còn chậm, giai đoạn 2011 - 2014 mới triển khai được tại 26 địa phương. Một số địa phương đã được phân bổ kinh phí xây dựng mô hình nhưng chưa dành nguồn ngân sách này để thực hiện nhiệm vụ (Tuyên Quang, Trà Vinh).

3. Nguyên nhân:

a) Nguyên nhân khách quan:

- Sản xuất, chế biến thực phẩm ở nước ta chủ yếu là nhỏ lẻ (10 triệu hộ nông dân sản xuất thực phẩm; 500.000 cơ sở chế biến trong đó 85% có quy mô vừa và nhỏ, hộ gia đình, sản xuất theo mùa vụ nên việc trang thiết bị, nhà xưởng không bảo đảm điều kiện ATTP).

- Kinh phí chi cho bữa ăn tại khu công nghiệp thấp, do đó một bộ phận lớn các cơ sở chấp nhận sử dụng thực phẩm giá rẻ, không đảm bảo ATTP. Tại một số doanh nghiệp đã có sự thỏa thuận giữa chủ doanh nghiệp và công nhân trong việc chi phí bữa ăn thấp để tránh bị trừ vào lương.

- Nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về bảo đảm ATTP của một số cơ sở còn kém (sản xuất, kinh doanh thực phẩm khi chưa có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo ATTP, vi phạm về ghi nhãn và quảng cáo).

- Vẫn còn tồn tại nhiều thói quen sử dụng thực phẩm không bảo đảm như: Ăn tiết canh, ăn gỏi cá, bánh trôi ngô bị nấm mốc, nấm, hoa quả dại, cóc, cá nóc...

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Lực lượng cán bộ quản lý ATTP còn thiếu (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản trung bình khoảng 12-15 biên chế). Lực lượng thanh tra còn quá mỏng, chỉ có tại tuyến tỉnh với khoảng 300 người làm công tác thanh tra ATTP chuyên trách tại các Chi cục, ngoài ra có khoảng 1.000 người làm công tác thanh tra liên quan đến ATTP thuộc các lĩnh vực như thú y, bảo vệ thực vật (kiêm nhiệm tất cả các lĩnh vực trong đó có ATTP), thấp hơn nhiều so với các nước khu vực Châu Á (Thái Lan có trên 5.000 thanh tra viên ATTP, Nhật Bản có trên 12.000 thanh tra viên ATTP...).

- Cán bộ làm công tác ATTP tuyến xã chủ yếu là kiêm nhiệm, trình độ chuyên môn hạn chế, có tâm lý tránh va chạm trong quá trình kiểm tra nên số vi phạm về ATTP bị xử lý còn thấp.

- Năng lực kiểm nghiệm về ATTP tại các địa phương còn rất hạn chế, đặc biệt đối với một số loại thực phẩm như kiểm tra dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng hóa chất, PGTP..., trên thực tế có rất ít đoàn thanh tra tại tuyến tỉnh có lấy mẫu thực phẩm này để kiểm nghiệm.

- Kinh phí cho công tác ATTP rất hạn chế, đặc biệt kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia vệ sinh an toàn thực phẩm bị cắt giảm nhiều: Năm 2013 giảm 11,5% so với năm 2012 (chưa bao gồm tiết kiệm 30%), năm 2014 giảm khoảng 60% so với năm 2013, đồng thời không được bổ sung từ các nguồn khác. Hầu hết các đề án đã được phê duyệt nhưng chưa có kinh

phí để triển khai (Đề án xây dựng hệ thống cảnh báo nhanh, Đề án truyền thông về ATTP giai đoạn 2012 - 2016...). Các phòng kiểm nghiệm tại địa phương chưa được đầu tư nhiều. Chi phí để kiểm nghiệm cao trong khi nguồn kinh phí cho hoạt động này còn hạn chế

- Thiếu kinh phí trông giữ và tiêu hủy tang vật bị thu giữ trong công tác thanh, kiểm tra nên các lực lượng chức năng cũng hạn chế bắt giữ các vụ vi phạm về ATTP. Kinh phí Trung ương hỗ trợ xây dựng mô hình chợ ATTP còn thấp (500 triệu đồng/mô hình) nên rất khó triển khai toàn diện các nội dung liên quan đến mô hình (trang bị thiết bị kiểm tra nhanh cho cán bộ quản lý chợ, kinh phí tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức về ATTP...); chỉ có một số địa phương (Hưng Yên, Quảng Ninh, Bến Tre, An Giang) huy động thêm kinh phí từ các nguồn khác như đóng góp của doanh nghiệp, các hộ kinh doanh tại chợ...

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Đẩy mạnh hoạt động truyền thông, tuyên truyền, giáo dục về ATTP cho các nhóm đối tượng, trong năm 2015 sẽ tập trung vào hoạt động bảo đảm ATTP đối với nông, lâm sản và thủy sản.

2. Tiếp tục triển khai các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về công tác ATTP (tập trung triển khai các vấn đề ATTP nêu trong Nghị quyết phiên họp thường kỳ tháng 6 năm 2014 của Chính phủ).

3. Củng cố tổ chức, tăng cường năng lực cho các Chi cục An toàn thực phẩm, Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản và các cơ quan quản lý về ATTP của địa phương. Tăng đầu tư cho hoạt động bảo đảm ATTP.

4. Đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành kiểm tra, phân loại 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản chủ lực của địa phương theo Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; công khai kết quả kiểm tra trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân, doanh nghiệp biết; tập trung tổ chức tái kiểm tra các cơ sở xếp loại C và có biện pháp xử lý dứt điểm các cơ sở bị xếp loại C sau 2 lần kiểm tra.

5. Tiếp tục triển khai các chương trình giám sát ATTP trong phạm vi toàn quốc, tập trung vào các vấn đề: Sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất, bảo quản nông sản thực phẩm (rau, quả, thủy, hải sản); vệ sinh an toàn trong giết mổ gia súc, gia cầm, nhất là tại các thành phố lớn và các vùng sản xuất nông sản thực phẩm; kinh doanh và sử dụng phụ gia thực phẩm, thực phẩm chức năng.

6. Tăng cường kiểm soát ATTP đối với thực phẩm nhập khẩu; kiểm soát chặt chẽ thực phẩm nhập lậu, thực phẩm không rõ nguồn gốc, xuất xứ lưu thông trên thị trường.

7. Đẩy nhanh tiến độ các chương trình, đề án về ATTP đã được phê duyệt; mở rộng các mô hình bảo đảm ATTP trong toàn quốc như mô hình chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn, chợ an toàn, thức ăn đường phố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Các Bộ: Y tế, NN&PTNT, Công Thương;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban về Các vấn đề xã hội của Quốc hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công an, các Vụ: TH, V.III, KTN, KTTH;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b). 64

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**



Nguyễn Thị Kim Tiến